TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H1 phúc**

Bản án số: 133/2026/DS-ST
Ngày: 23/3/2026

Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TÂY NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN HOÀI DUY.**

2. Bà **NGUYỄN THỊ BẢO KHUYÊN.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **TẠ THỊ THẢO VY** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà **HUỲNH THỊ KIM PHƯỢNG** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 735/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2026/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1969 và bà **Lê Thị K**, sinh năm 1970; cùng cư trú tại: Số 36 đường NVL, khu phố NT, phường LH, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Trần Thị H1**, sinh năm 1988 (theo văn bản ủy quyền ngày 07/08/2025) (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp GT, phường BM, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà **Phan Thị Kim C**, sinh năm 1971 và ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1971; cùng cư trú tại: Số 51, đường NLB, khu phố TL, phường LH, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 8 năm 2025, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Thanh H và bà Lê Thị K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông H, bà K và vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị Kim C không có quan hệ họ hàng, biết nhau do cùng xóm, có chơi hụi và vay mượn tiền của nhau.

Từ năm 2023 đến năm 2024, ông H, bà K có đi vay tiền nợ giùm cho ông S, bà C với tổng số tiền là 450.000.000 đồng, mục đích vay để ông S, bà C kinh doanh vé số. Khi ông H, bà K vay tiền giùm nhưng chủ nợ không đồng ý trực tiếp cho vợ chồng ông S, bà C vay nên ông H, bà K ký giấy nợ với chủ nợ còn ông S, bà C ký giấy nợ với ông H, bà K, cụ thể như sau:

- Ngày 14/9/2023 âm lịch (buổi sáng lúc 11 giờ), ông H, bà K có cho bà C, ông S vay 100.000.000 đồng, đưa tiền mặt tại nhà ông H, bà K, lãi suất 6%/tháng, tức 100.000.000 đồng tiền lãi một tháng là 6.000.000 đồng, sau khi nhận tiền xong thì bà C tự viết vào sổ cá nhân của bà K thể hiện việc vay số tiền 100.000.000 đồng.

- Cùng ngày 14/9/2023 âm lịch (buổi Cều), ông H, bà K có cho bà C, ông S vay thêm 50.000.000 đồng, đưa tiền mặt tại nhà ông H, bà K, lãi suất 5%/tháng, tức 50.000.000 đồng tiền lãi một tháng là 2.500.000 đồng, sau khi nhận tiền xong thì bà C tự viết vào sổ cá nhân của bà K thể hiện việc vay số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 20/4/2024 âm lịch, ông H, bà K có cho bà C, ông S vay thêm 100.000.000 đồng, đưa tiền mặt tại nhà ông H, bà K, lãi suất 5%/tháng, tức 100.000.000 đồng tiền lãi một tháng là 5.000.000 đồng, sau khi nhận tiền xong thì bà C tự viết vào sổ cá nhân của bà K thể hiện việc vay số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 21/9/2024 âm lịch (buổi sáng), ông H, bà K có cho bà C, ông S vay thêm 100.000.000 đồng, đưa tiền mặt tại nhà ông H, bà K, lãi suất 5%/tháng, tức 100.000.000 đồng tiền lãi một tháng là 5.000.000 đồng, sau khi nhận tiền xong thì bà C tự viết vào sổ cá nhân của bà K thể hiện việc vay số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 21/9/2024 âm lịch (buổi chiều), ông H, bà K có cho bà C, ông S vay thêm 100.000.000 đồng, đưa tiền mặt tại nhà ông H, bà K, lãi suất 6%/tháng, tức 100.000.000 đồng tiền lãi một tháng là 6.000.000 đồng, sau khi nhận tiền xong thì bà C tự viết vào sổ cá nhân của bà K thể hiện việc vay số tiền 100.000.000 đồng.

-> Tổng cộng số tiền nợ vay là 450.000.000 đồng.

Do giữa bà C và bà K quen biết nhau đã lâu và tin tưởng nhau, nên mỗi lần vay tiền, bà C tự viết vào sổ của bà C để tự theo dõi. Sau đó, bà K thấy không an tâm nên kêu bà C tự sang lại vào sổ của bà K. Bà C đồng ý nên bà C tự viết lại vào sổ của bà K và tự ký tên, sau khi sang xong thì bà C ký tên nên trong sổ của bà K, bà C chỉ ký 01 chữ ký. Trong chứng cứ do bà K cung cấp có dấu sửa từ năm 2023 thành năm 2024, bà K khẳng định do bà C tự viết và tự sửa. Khi vay tiền, một mình bà C trực tiếp đi vay, ông S biết khoản vay nay và ông S cũng hứa là sẽ trả nợ giùm bà C. Khi vay bà C có đóng tiền lãi nhưng không đây đủ, do bà K không có theo dõi việc đóng lãi nên cũng không xác định là bà C đã đóng được bao nhiêu tiền lãi, mỗi lần đóng lãi bà C đóng bằng tiền mặt và không có ký nhận. Từ tháng 09/2024 âm lịch, bà C không đóng lãi nữa cho đến nay. Ông H, bà K phải tự vay ngân hàng để lấy tiền trả lãi cho chủ nợ.

Ngoài ra, ông H, bà K còn làm chủ thảo hụi, bà C là hụi viên, có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi khui ngày 24/12/2023 âm lịch, mãn ngày 24/4/2026 âm lịch, hụi gồm 30 phần, bà C tham gia 01 phần, bà C hốt tại kỳ hụi thứ 5, kêu 1.800.000 đồng, trừ tiền cò 2.500.000 đồng, ông H bà K đã giao cho bà C số tiền hốt hụi là 95.000.000 đồng. Khi nhận tiền, bà C có ký nhận vào sổ hụi của bà K. Sau đó, bà C đóng lại được 13 lần hụi chết nhưng đóng không liên tục, tháng đóng tháng không, tháng nào bà C đóng thì bà K đánh chữ "x" vào sổ, tháng nào bà C không đóng hụi thì bà K tự bỏ tiền của bà K ra để đóng hụi dùm bà C, tính đến thời điểm tháng 11/2025, ông H bà K đã đóng hụi giùm bà C 07 kỳ hụi với số tiền 35.000.000 đồng, tính tới thời điểm mãn hụi bà C còn nợ 11 lần hụi chết với số tiền là 55.000.000 đồng.

Bà K có nộp cho Tòa án chứng cứ là 01 giấy đăng hụi, 03 dòng đầu do bà K tự viết, từ dòng chữ: "*C hốt hụi 5 triệu….đến cuối*" là do bà C viết, sau đó bà C tự ký tên và ghi họ tên Phan Thị Kim C. Sau khi hốt hụi, bà C đóng hụi chết bằng tiền mặt, mỗi lần đóng hụi thì giữa bà K và bà C không có ký nhận. Bà K có một sổ theo dõi việc đóng hụi, ai đóng hụi bà K đánh chữ "x" vào sổ, bà K đã nộp sổ theo dõi cho Tòa án và cung cấp bản chính cho Tòa án đối Cếu.

Ông S biết việc bà C chơi hụi của bà K. Bà C có nợ bà K nhiều dây hụi, sau khi bà C không đóng hụi thì ông S đã đóng hụi giùm bà C nhưng đóng giùm các dây hụi khác. Hiện bà C chỉ còn nợ bà K dây hụi này.

Theo đơn khởi kiện ông H, bà K có yêu cầu tính lãi nhưng nay ông H, bà K rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu tính lãi.

Nay, ông H, bà K yêu cầu ông S, bà C cùng có nghĩa vụ trả cho ông H, bà K số tiền nợ vay 450.000.000 đồng, số tiền nợ hụi 55.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và không còn yêu cầu nào khác.

Ngoài ra, ông H, bà K không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Kim C, ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, dự phiên họp và tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh, trình bày:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 và 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 UBTVQH: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H, bà Lê Thị K, buộc ông Nguyễn Văn S, bà Pham Thị Kim C cùng có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh H, bà Lê Thị K số tiền nợ vay 450.000.000 đồng, số tiền nợ hụi 55.000.000 đồng. Ghi nhận bà K, ông Hung không yêu cầu tính lãi. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Trần Thị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị Kim C đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Thanh H, bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị Kim C cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay 450.000.000 đồng và số tiền nợ hụi 55.000.000 đồng, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông H, bà K yêu cầu ông S, bà C cùng có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền nợ vay 450.000.000 đồng và tiền nợ hụi 55.000.000 đồng, thấy rằng:

[2.1]. Đối với khoản nợ vay: Trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn xuất trình chứng cứ là quyển sổ bên trong có nội dung bà C vay tiền (bút lục 41) thể hiện: "*Ngày 14/9/2023 âm lịch, bà C có vay số tiền 100.000.000 đồng và 50.000.000 đồng; ngày 21/9/2024 âm lịch bà C có vay 02 lần, mỗi lần 100.000.000 đồng và ngày 20/4/2024 âm lịch, bà C có vay số tiền 100.000.000 đồng*". Sau khi viết xong nội dung trên, bà C tự ký tên và ghi họ tên Phan Thị Kim C, tổng cộng số tiền vay là 450.000.000 đồng.

[2.2]. Đối với khoản nợ hụi: Trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn xuất trình chứng cứ là giấy đăng hụi ngày 24/4/2024 (bút lục 43), thể hiện số tiền đăng hụi là 95.000.000 đồng, bà C tự ký tên và ghi họ tên Phan Thị Kim C vào chỗ người nhận tiền hụi. Ngoài ra, bà K, ông H còn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là 01 danh sách hụi viên và một sổ theo dõi việc đóng hụi.

[2.3]. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông S, bà C không đến Tòa án để làm việc, dự phiên họp, phiên hòa giải, xét xử mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

[2.4]. Như vậy, có căn cứ xác định việc vay tiền giữa bà C với ông H, bà K đối với số tiền 450.000.000 đồng là có thật; có căn cứ khẳng định bà C có tham gia chơi hụi do bà K, ông H làm chủ thảo đối với dây hụi 5.000.000 đồng, đã hốt hụi và còn nợ lại số tiền hụi chết chưa đóng 11 kỳ với số tiền 55.000.000 đồng là có thật.

[2.5]. Ông H bà K cho rằng ông S, bà C là vợ chồng, việc vay tiền và chơi hụi là do bà C trực tiếp thực hiện nhưng ông S biết khoản nợ vay của bà C, hứa trả giùm bà C nhưng chưa trả. Ông S biết việc nợ tiền hụi của bà C, có trả giùm các dây hụi khác cho bà C. Việc vay tiền và chơi hụi diễn ra trong thời gian dài, mục đích vay tiền để làm ăn. Quá trình giải quyết, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Do đó, ông S phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà C là phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.6]. Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà K đối với ông S, bà C. Buộc ông S, bà C có nghĩa vụ trả cho ông H bà K số tiền nợ vay 450.000.000 đồng và số tiền nợ hụi 55.000.000 đồng.

[3]. Ghi nhận ông H, bà K không yêu cầu tính lãi của số tiền trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[4]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí:

- Ông S, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền nợ vay 450.000.000 đồng, cụ thể như sau: 20.000.000 đồng + 4% x 50.000.000 đồng = 22.000.000 đồng.

- Ông S, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền hụi 55.000.000 đồng, cụ thể như sau: 55.000.000 đồng x 5% = 2.750.000 đồng.

Tổng cộng tiền án phí dân sự sơ thẩm ông S, bà C phải chịu là: 22.000.000 đồng + 2.750.000 đồng = 24.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463; 466; 468, 469 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H, bà Lê Thị K đối với ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị Kim C về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị Kim C cùng có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh H, bà Lê Thị K số tiền nợ vay 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận ông H, bà K không yêu cầu tính lãi của số tiền trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H, bà Lê Thị K đối với ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị Kim C về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị Kim C cùng có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh H, bà Lê Thị K số tiền nợ hụi 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị Kim C phải chịu 24.750.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm năm chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Trần Thanh H, bà Lê Thị K số tiền tạm ứng án phí 12.100.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007260 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Trần Thanh H, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim C vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng

Ông Trần Thanh H, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kim C vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**